| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 5**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 1862/2025/DS-ST
Ngày: 23/12/2025
*V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Sơn Thủy

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Bùi Thị Hoà Bình

2. Ông Lê Ngọc Lâm

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Vũ Bá Thứ - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Bà Võ Nam Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 2042/2024/TLST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 511/2025/QĐST-DS ngày 04/11/2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 522/2025/QĐST-DS ngày 25/11/2025 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: **Bà Nguyễn Thị Minh T** – sinh năm: 1957; CCCD số: 079 157030472 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: 6 N, Phường I, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 694/33/9 N, Phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh).

*Người đại diện theo uỷ quyền:* **Ông Trương Tuấn T1**; CCCD: 075200019141 - Theo Giấy ủy quyền số công chứng 010156 ngày 27/07/2024 tại Văn phòng C, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: D Hồ V, Phường I, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là: phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh).

*Bị đơn*: **Bà Nguyễn Huỳnh Tường V –** CCCD: 079 178 023 742 (vắng mặt)

Địa chỉ: 220/24/13 H, Khu phố C, Phường E, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 220/24/13 H, Khu phố C, Phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

*Người làm chứng*: **Ông Phạm Công T2** – sinh năm 1973; CCCD số: 051 073 002 712 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: 9, Khu phố C, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là: phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Ông Trương Tuấn T1 trình bày*:

Bị đơn là bạn của con gái nguyên đơn. Do sau dịch covid khó khăn về tài chính, bị đơn bà Nguyễn Huỳnh Tường V ngỏ ý vay tiền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh T. Ngày 15/10/2021 bà V có vay của bà T số tiền là 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng. Thời hạn vay là 01 (một) năm, kể từ ngày 15/10/2021 đến hết ngày 15/10/2022, lãi suất vay do hai bên thỏa thuận miệng là 2,4%/tháng. Thời điểm vay tiền và cho vay tiền giữa bà T và bà V có lập Giấy mượn tiền đề ngày 15/10/2021. Sau khi bà V ký Giấy vay tiền này, bà T đã tiến hành giao đủ toàn bộ số tiền là 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng bằng tiền mặt cho bà V dưới sự làm chứng của ông Phạm Công T2, là cháu của bà T (sinh năm: 1973; CCCD số: 051073002712 do Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp; Địa chỉ thường trú: 95/4, Khu phố C, phường T, Quận A, TP .). Theo nội dung trong Giấy vay tiền nêu trên, thời hạn vay là 01 (một) năm, kể từ ngày 15/10/2021 đến hết ngày 15/10/2022, trong giấy vay tiền này không có quy định về lãi vay và nếu bà T muốn lấy lại tiền trước thời hạn thì phải thông báo cho bà V biết trước 01 (một) tháng để bà V sắp xếp nguồn tài chính để hoàn trả.

Tuy nhiên, sau khi đến thời hạn vay trên, bà T đã nhiều lần liên lạc để thông báo, yêu cầu bà V hoàn trả khoản vay nhưng bà V vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Ngày 24/10/2024 nguyên đơn khởi kiện ra Toà yêu cầu bị đơn trả toàn bộ số tiền là 608.000.000 (sáu trăm lẻ tám triệu) đồng bao gồm tiền nợ gốc là 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng, tiền lãi là 108.000.000 (một trăm lẻ tám triệu) đồng.Tổng cộng bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 608.000.000 (sáu trăm lẻ tám triệu) đồng.

Tại Tòa, nguyên đơn có đưa bản chính giấy vay tiền có chữ ký xác nhận của Bị đơn bà Nguyễn Huỳnh Tường V để đối chiếu với bản photo đã nộp trước

đó theo đơn khởi kiện. Nguyên đơn xác nhận lại bằng bản khai ngày 22/12/2025 không yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi trên số nợ gốc theo thỏa thuận là 108.000.000 đồng, chỉ yêu cầu bị đơn phải trả tiền gốc còn nợ là 500.000.000 đồng, trả làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật và đồng ý lãi suất chậm thi hành án được tính theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

*Về lời khai của người làm chứng:*

Theo bản tự khai ngày 24 tháng 7 năm 2025, ông Phạm Công T2 xác nhận là người trực tiếp chứng kiến việc bà Nguyễn Huỳnh Tường V vay của bà Nguyễn Thị Minh T số tiền 500.000.000 đồng vào ngày 15/10/2021. Tại thời điểm vay tiền, bà Nguyễn Thị Minh T và bà Nguyễn Huỳnh Tường V có nhờ người làm chứng viết giúp "Giấy mượn tiền". Sau khi nội dung được lập xong, bà T và bà V đã ký tên vào giấy mượn tiền; người làm chứng cũng ký tên xác nhận vào giấy này cùng ngày 15/10/2021.

Người làm chứng xác nhận đã trực tiếp chứng kiến việc bà Nguyễn Thị Minh T giao cho bà Nguyễn Huỳnh Tường V số tiền mặt 500.000.000 đồng. Bà V đã kiểm đếm và nhận đủ toàn bộ số tiền nêu trên.

*Bị đơn bà Nguyễn Huỳnh Tường V* đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do và không nộp (gửi) cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các chứng cứ, tài liệu kèm theo.

**Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:** Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, bị đơn cư trú tại phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Thành phố Hồ Chí Minh là đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền.

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng người tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ngoại trừ việc vi phạm thời hạn xét xử, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025; Người làm chứng đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 77, Điều 78 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025; Người đại diện đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 85, Điều 86 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Bị đơn không thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 463, Điều 468, khoản 1 Điều 470, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Bộ luật Dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025, đề nghị Tòa án chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh T, buộc bị đơn bà Nguyễn Huỳnh Tường V phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và đình chỉ phần yêu cầu của nguyên đơn đối với việc không yêu cầu bị đơn phải trả lãi trên số tiền nợ gốc theo thoả thuận là 108.000.000 (một trăm lẻ tám triệu) đồng.

Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, nguyên đơn, người làm chứng có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Xét thấy bị đơn được Tòa án triệu tập lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 1, khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn. Toà án cũng đã xác minh tình trạng hôn nhân của bị đơn để xác định người liên đới (nếu có) đối với nghĩa vụ trả nợ và nhận được Công văn số 973 ngày 30/10/2025 của Uỷ ban nhân Phường B, Thành phố Hồ Chí Minh trả lời: "Qua tra cứu dữ liệu hộ tịch tại UBND phường B từ năm 1994 đến nay không có thông tin bà Nguyễn Huỳnh Tường V đăng ký kết hôn. Vào ngày 14/03/2023 bà V có xác nhận tình trạng hông nhân có nội dung như sau: đã có chồng nhưng chồng đã chết (Giấy chứng tử số 78 do U, quận G. Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/07/2014)".

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản. Bị đơn cư trú tại Phường E, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh), theo trả lời xác minh ngày 25/03/2025, Công an P, quận B đã cung cấp thông tin nơi ở của bị đơn, xác định bị đơn cư trú tại địa chỉ 2 H, Khu phố C, Phường E, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 220/24/13 H,

Khu phố C, Phường B, Thành phố Hồ Chí Minh). Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] *Về yêu cầu của đương sự:*

[3.1] Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ, theo đơn khởi kiện ngày 24/10/2024, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh T trình bày: Giữa bà V và bà T có lập Giấy mượn tiền đề ngày 15/10/2022, xác nhận số tiền bà V vay của bà T là 500.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 năm (kể từ ngày 15/10/2021 đến hết ngày 15/10/2022), trong giấy vay tiền không quy định về lãi suất. Sau khi ký kết xong Giấy mượn tiền thì bà Tâm G đủ số tiền là 500.000.000 đồng cho bà V. Đến hạn hoàn trả, bà V cố tình không trả nợ gốc cho bà T. Bà T đã nhiều lần liên lạc để thông báo, yêu cầu bà V hoàn trả khoản vay nhưng bà V không thực hiện việc trả nợ nên bà T khởi kiện yêu cầu bà V phải trả số nợ gốc là 500.000.000 đồng và tiền lãi là 108.000.000 đồng, tổng số tiền mà bà V phải trả cho bà T là 608.000.000 đồng, trả làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trong quá trình Toà giải quyết vụ án, trước khi xét xử, Nguyên đơn có bản khai ngày 22/12/2025 xác nhận lại không yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi trên số nợ gốc theo thỏa thuận là 108.000.000 đồng, chỉ yêu cầu bị đơn phải trả tiền gốc còn nợ là 500.000.000 đồng, trả làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật và đồng ý lãi suất chậm thi hành án được tính theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xét theo giấy mượn tiền đề ngày 15/10/2021, bị đơn có vay nguyên đơn 500.000.000 đồng là sự thật. Tại Tòa, nguyên đơn đã cung cấp bản chính Giấy mượn tiền ngày 15/10/2021 có chữ ký xác nhận của bị đơn. Công an P, quận B đã cung cấp thông tin nơi ở của bị đơn, xác nhận bị đơn vẫn cư trú tại địa chỉ 2 H, Khu phố C, Phường E, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 220/24/13 H, Khu phố C, Phường B, Thành phố Hồ Chí Minh). Tuy nhiên, trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không có mặt để nêu ý kiến đối với vụ án đồng nghĩa bị đơn đã từ bỏ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn. Hơn nữa, người làm chứng là ông Phạm Công T2 (sinh năm: 1973; CCCD số: 051073002712) đã chứng kiến việc bà Nguyễn Huỳnh Tường V vay của bà Nguyễn Thị Minh T số tiền 500.000.000 đồng vào ngày 15/10/2021. Vì vậy căn cứ Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, cần buộc bị đơn phải trả số tiền đã vay của nguyên đơn như đã nêu trên là có cơ sở.

[3.2] Đối với tiền lãi theo thỏa thuận phát sinh từ khoản vay là 108.000.000 đồng, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải trả nên đình chỉ một phần yêu cầu này.

[3.3] Về thời gian trả nợ*:* bị đơn vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, bị đơn phải thanh toán làm một lần số tiền 500.000.000 đồng cho nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 24.000.000 đồng.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Căn cứ:**

- Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Điều 2 Luật Người cao tuổi;

- Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh T, buộc bị đơn bà Nguyễn Huỳnh Tường V phải trả cho bà T số tiền 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng, trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán số tiền lãi theo thỏa thuận còn thiếu là 108.000.000 (Một trăm lẻ tám triệu) đồng.

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi

hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

4. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: bà Nguyễn Huỳnh Tường V phải chịu án phí là 24.000.000 (Hai mươi bốn triệu) đồng.

Bà Nguyễn Thị Minh T khi nộp đơn khởi kiện được miễn nộp tạm ứng lệ phí, án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1, khoản 2 Điều 12, Điều 16 Nghị quyết số 326 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án của Uỷ ban thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 và Điều 2 Luật Người cao tuổi.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*5. Quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

***Nơi nhận:***
- TAND TP. HCM;
- VKSND Khu vực 5 – TP.HCM;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- THADS Khu vực 5 – TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Sơn Thủy**